

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2364 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc,
Dự án: Mua sắm thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung
và đàm phán giá tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;



Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT;

Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 5982 ngày 21/11/2023 và Tờ trình số 6257/TTr-BVĐKT ngày 07/12/2023; Báo cáo kết quả thẩm định số 314/BC-SYT ngày 11/12/2023 của Sở Y tế và các tài liệu có trong hồ sơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc, Dự án: Mua sắm thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung và đàm phán giá tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu:

- Gói thầu số 3: Thuốc generic bổ sung
- Gói thầu số 4: Thuốc biệt dược gốc bổ sung

2. Tổng giá các gói thầu (kế hoạch): 4.567.871.800 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng chẵn.). Trong đó:

- Gói thầu số 3: Thuốc generic bổ sung: 2.427.917.800 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm mười bảy nghìn, tám trăm đồng chẵn.).

- Gói thầu số 4: Thuốc biệt dược gốc bổ sung: 2.139.954.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng chẵn.).

Giá gói thầu trên là Giá kế hoạch, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật giá gói thầu trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu và phê duyệt dự toán gói thầu để thay thế giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại quyết định này (nếu cần thiết); song giá gói thầu cập nhật phải tính đúng, tính đủ, chính xác toàn bộ chi phí để thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

(Có danh mục và đơn giá chi tiết kèm theo).

3. Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 12 năm 2023.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Gói thầu số 3: Thuốc generic bổ sung: 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Gói thầu số 4: Thuốc biệt dược gốc bổ sung: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm toàn diện về báo cáo và công tác thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại quyết định này; chịu trách nhiệm về việc rà soát, kiểm tra, thẩm tra, thẩm định trình danh mục mặt hàng thuốc đấu thầu và đảm bảo giá gói thầu được xác định theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b Khoản 13 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định khác có liên quan.

2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh chịu trách nhiệm toàn diện về việc đề xuất danh mục mặt hàng thuốc đấu thầu và giá gói thầu; phê duyệt dự toán gói thầu theo quy định; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, đảm bảo mua sắm phù hợp với danh mục mặt hàng thuốc đã được phê duyệt; đảm bảo tên hoạt chất; nhóm tiêu chí kỹ thuật thuốc; nồng độ hoặc hàm lượng; đường dùng; dạng bào chế; đơn vị tính tương ứng với mức giá từng danh mục mặt hàng thuốc; đảm bảo chất lượng và hạn sử dụng của danh mục mặt hàng thuốc mua sắm; báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

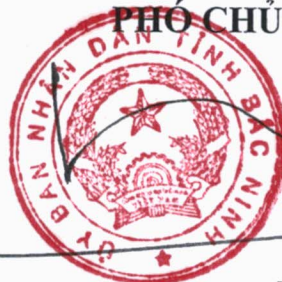
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận: *MD*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTTH;
- Lưu : VT, KGVX_(NTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Qua
Vương Quốc Tuấn


DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)


I. Gói thầu số 3: Thuốc generic bổ sung

STT	Tên hoạt chất	Nhóm ICD10	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Acetazolamid	4	0,25g	Uống	Viên	Viên	400	960	384.000
2	Azathioprin	4	50mg	Uống	Viên	Viên	15.000	7.000	105.000.000
3	Bupivacain hydroclorid	1	0,5% (5mg/ml) - 4ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	2.000	41.600	83.200.000
4	Cisplatin	1	50mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	800	203.025	162.420.000
5	Lidocain + Adrenalin	1	36mg; 18,13mcg /1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	500	13.133	6.566.500
6	Zoledronic acid	4	5mg/100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	200	790.000	158.000.000
7	Povidon iodin	4	10%, chai 100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi	1.500	8.875	13.312.500





STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
8	Povidon iodin	4	10%, chai 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi	1.200	44.602	53.522.400
9	Kali clorid	1	500mg	Uống	Viên	Viên	60.000	1.500	90.000.000
10	Kali clorid	1	600mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	50.000	2.100	105.000.000
11	Suxamethoni um clorid	1	100mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	1.500	19.564	29.346.000
12	Thiamazol	1	5mg	Uống	Viên	Viên	15.000	1.400	21.000.000
13	Colistin	4	2.000.000 IU	Tiêm/Tiêm truyền	thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Túi	1.200	472.500	567.000.000
14	Deferipron	2	250mg	Uống	Viên	Viên	9.000	7.000	63.000.000
15	Dexamethason	4	4mg/1ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	20.000	728	14.560.000
16	Diphenhydramin	4	10mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	16.000	480	7.680.000



STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
17	Epirubicin hydroclorid	4	10mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	400	122.766	49.106.400
18	Ondansetron	2	8mg/4ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	9.000	7.200	64.800.000
19	Rocuronium bromid	1	10mg/ml, lọ 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	2.000	46.530	93.060.000
20	Salbutamol sulfat	4	2,5 mg/2,5 ml	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Ống	19.000	4.355	82.745.000
21	Sofosbuvir + velpatasvir	2	400mg + 100mg	Uống	Viên	Viên	1.000	251.545	251.545.000
22	Zoledronic acid	2	4mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Túi	100	281.000	28.100.000
23	Nicardipin	1	10mg/10ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	600	124.950	74.970.000
24	Deferoxamin	5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Túi	2.400	126.500	303.600.000
Tổng cộng: 24 khoản									2.427.917.800



II. Gói thầu số 4: Thuốc biệt dược gốc bổ sung

ST T	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Sevofluran	Sevorane hoặc tương đương điều trị	100% (w/w), 250ml	Đường hô hấp	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Chai	540	3.578.600	1.932.444.000
2	Budesoniđ	Pulmicort Respules hoặc tương đương điều trị	500mcg/2ml	Hít	hỗn dịch khí dung dùng để hít	Ống	15.000	13.834	207.510.000
Tổng cộng: 02 khoản									2.139.954.000